

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant
SDS-Identcode : 130000000099

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công Ty TNHH Chemours Việt Nam
Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà Friendship, số 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé,
Quận 1, Tp.
Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Điện thoại : (84 8) 6288 3964
Số điện thoại liên hệ trong
trường hợp khẩn cấp : 1800-577-721

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Chất nổ đẩy
Hạn chế khi sử dụng : Chỉ dùng trong công nghiệp

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Khí dễ cháy : Cấp 1
Khí chịu áp suất : Khí hóa lỏng

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm
Cảnh báo nguy hiểm : H220 Khí rất dễ cháy.
H280 Chứa khí dưới áp suất; có thể nổ nếu gia nhiệt.
Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**
P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. -
Không hút thuốc.

Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

Biện pháp ứng phó:

P377 Cháy do rò rỉ khí: Không tiến hành chữa cháy, trừ khi có thể ngưng chỗ rò rỉ một cách an toàn.

P381 Trong trường hợp có rò rỉ, loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy.

Lưu trữ:

P410 + P403 Tránh ánh sáng mặt trời. Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể gây ngạt do chúng làm giảm lượng oxy cần cho quá trình hô hấp.

Lạm dụng hoặc có chủ đích nghiện hít vào có thể gây tử vong mà không có triệu chứng cảnh báo, do các tác động lên tim mạch.

Sự bốc hơi nhanh của sản phẩm có thể gây ra tê cóng.

Có thể thay thế oxy và gây ngạt nhanh chóng.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất	: Đơn chất
Nhận dạng hóa chất	: 1,1-Difluoroethane
Số CAS	: 75-37-6

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
1,1-Difluoroethane	75-37-6	>= 70 -<= 100

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung	: Trong trường hợp tai nạn hoặc bạn cảm thấy không khỏe, hãy đi khám ngay lập tức. Khi triệu chứng kéo dài hoặc trong mọi trường hợp nghi ngờ hãy tìm đến tư vấn y tế.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp	: Nếu hít phải, di chuyển ngay ra nơi không khí trong lành. Nếu nạn nhân ngừng thở, làm hô hấp nhân tạo. Nếu nạn nhân khó thở, cung cấp oxy Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	: Làm tan phần đông cứng bằng nước ấm. Không chà xát khu vực đang bị ảnh hưởng. Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt	: Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

- | | |
|--|--|
| Trường hợp tai nạn theo
đường tiêu hóa | : Ăn uống không được xem là đường có nguy cơ bị phơi
nhiễm. |
| Các triệu chứng/tác hại
nghiêm trọng tức thời và ảnh
hưởng sau này | : Có thể gây ra chứng loạn nhịp tim.
Các triệu chứng khác có khả năng xảy ra liên quan đến sử
dụng sai hoặc nghiện có chủ đích là
Nhạy cảm với tim mạch
Các tác dụng gây tê
Kém tập trung
Chóng mặt
rối loạn
Thiếu sự phối hợp
Buồn ngủ
Bất tỉnh
Khí làm giảm lượng oxy cần cho hô hấp.
Tiếp xúc với chất lỏng hoặc khí lạnh có thể gây bỏng lạnh
hoặc tê cứng. |
| Bảo vệ người sơ cứu | : Không cần thiết có sẵn các biện pháp phòng bị cho nhân viên
cấp cứu. |
| Lưu ý đối với bác sỹ điều trị | : Do khả năng gây loạn nhịp tim, các chất Catecholamine được
sử dụng trong các tình huống cấp cứu khẩn cấp chẳng hạn
như epinephrine cần được sử dụng với những cảnh báo đặc
biệt. |

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- | | |
|--|--|
| Các phương tiện chữa cháy
thích hợp | : Bụi nước
Bọt chịu cồn.
Carbon điôxit (CO ₂)
Hóa chất khô |
| Các phương tiện chữa cháy
không thích hợp | : Được biết là chưa xảy ra. |
| Các nguy hiểm cụ thể khi
chữa cháy | : Hơi có thể hình thành hỗn hợp cháy nổ với không khí.
Phơi nhiễm với các sản phẩm dễ cháy có thể nguy hại đối với
sức khỏe.
Nếu nhiệt độ tăng, có nguy cơ nổ các ống dẫn do áp suất hơi
cao |
| Các chất độc được sinh ra
khi bị cháy | : Hydroflorua
Carbonyl florua
Carbon ôxit |
| Các phương pháp cứu hỏa
cụ thể | : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa
phương và môi trường xung quanh.
Tiến hành chữa cháy từ xa do có nguy cơ nổ.
Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa không mờ. |

Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

Cháy do rò rỉ khí: Không tiến hành chữa cháy, trừ khi có thể ngưng chỗ rò rỉ một cách an toàn.
Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm.
Sơ tán toàn bộ khu vực.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.
Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Di tản mọi người tới các khu vực an toàn.
Chỉ những người được đào tạo mới được trở lại khu vực này.
Di chuyển tất cả các nguồn gây cháy.
Tránh để chất lỏng bị rò rỉ tiếp xúc với da (gây ra tê cứng).
Thông hơi khu vực.
Làm theo lời khuyên về xử lý an toàn (xem phần 7) và khuyến nghị về thiết bị bảo vệ cá nhân (xem phần 8).
- Các cảnh báo về môi trường : Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn.
Giữ lại và tiêu hủy nước rửa bị nhiễm bẩn.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Thông hơi khu vực.
Chỉ sử dụng các thiết bị không gây ra tia lửa.
Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước.
Các quy định của quốc gia hoặc địa phương có thể phải áp dụng khi thải loại hoặc tiêu hủy chất này, cũng như đối với các chất trên và các vật liệu được sử dụng trong việc làm sạch chất thải. Bạn sẽ cần xác định các quy định nào cần phải được áp dụng.
Mục 13 và 15 của SDS này cung cấp thông tin liên quan đến các quy định quốc gia và địa phương.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Các biện pháp kỹ thuật : Sử dụng thiết bị dùng cho áp suất xylanh. Dùng một thiết bị chống chảy ngược trong ống. Đóng van sau khi sử dụng và khi hết.
- Thông gió cục bộ/toàn bộ : Nếu không có hệ thống thông khí hiệu quả, hãy sử dụng cùng với hệ thống thông khí thải tại chỗ.
Nếu được khuyến nghị trong đánh giá nguy cơ phơi nhiễm tại chỗ, chỉ sử dụng trong khu vực được trang bị hệ thống thông khí thải chống cháy nổ.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm :**
- Tránh hít phải khí.
 - Xử lý theo hành động an toàn và vệ sinh công cộng, dựa trên kết quả đánh giá phơi nhiễm tại nơi làm việc.
 - Đóng chặt thùng chứa.
 - Đeo găng tay chống lạnh/ mặt nạ bảo vệ mặt/ thiết bị bảo vệ mắt.
 - Nắp chụp bảo vệ van và nút ren chốt chặn đầu van phải ở đúng vị trí trừ khi thiết bị chứa được lắp van ở đầu ra dẫn ống đến điểm sử dụng.
 - Ngăn dòng chảy ngược vào bình khí.
 - Dùng một van kiểm tra hoặc xi-phông trên đường xả để tránh các chất độc hại phụt ngược dòng vào trong bình chứa.
 - Sử dụng bộ điều chỉnh giảm áp suất khi kết nối bình khí xi lanh để giảm áp suất (<3000 psig) đường ống hoặc các hệ thống.
 - Đóng van sau mỗi lần sử dụng và khi hết. Không thay đổi và gắng sức điều chỉnh kết nối.
 - Ngăn nước xâm nhập vào bình khí.
 - Đừng bao giờ cố nhấc bình chứa khí nơi nắp bình.
 - Không kéo lê, trượt hoặc lăn các bình chứa khí.
 - Sử dụng xe đẩy thích hợp khi vận chuyển bình
 - Đề xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
 - Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
 - Chú ý phòng ngừa hiện tượng tràn ra ngoài, hao hụt và giảm thiểu thải ra môi trường.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :**
- Các bình khí phải được đặt thẳng đứng và buộc chắc chắn để khỏi ngã hoặc bị lật đổ.
 - Tách các thùng chứa còn đầy khỏi các thùng chứa đã rỗng.
 - Không lưu giữ gần các vật liệu dễ cháy.
 - Tránh những khu vực có muối và các chất gây ăn mòn.
 - Chứa trong các thùng có dán nhãn đúng.
 - Đóng kín.
 - Đề tại nơi mát mẻ và thông gió tốt.
 - Đề xa ánh nắng trực tiếp.
 - Lưu trữ theo các quy định đặc biệt của quốc gia.
 - Đề xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.
- Các chất cần tránh bảo quản chung :**
- Không cất giữ với các loại sản phẩm sau đây:
 - Chất và hỗn hợp tự phản ứng
 - Peroxyt hữu cơ
 - Chất oxy hóa
 - Chất lỏng dễ cháy
 - Chất lỏng tự cháy
 - Chất rắn tự cháy
 - Chất và hỗn hợp tự phát nhiệt
 - Chất nổ
- Nhiệt độ lưu giữ đề nghị :** < 52 °C

Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

Thời gian lưu trữ : > 10 yr

Thêm thông tin về độ ổn định : Sản phẩm không có hạn sử dụng khi được lưu trữ đúng cách
kho lưu trữ

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Giảm thiểu mức độ phơi nhiễm tại nơi làm việc.
Nếu không có hệ thống thông khí hiệu quả, hãy sử dụng cùng với hệ thống thông khí thải tại chỗ.
Nếu được khuyến nghị trong đánh giá nguy cơ phơi nhiễm tại chỗ, chỉ sử dụng trong khu vực được trang bị hệ thống thông khí thải chống cháy nổ.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Sử dụng mặt nạ phòng độc cung cấp không khí áp suất dương nếu có bất kỳ khả năng thoát khí không kiểm soát nào có thể có, mức độ phơi nhiễm không xác.

Bảo vệ tay
Vật liệu : Găng tay chịu nhiệt

Ghi chú : Việc chọn găng tay bảo vệ khỏi hoá chất phụ thuộc vào nồng độ và số lượng các chất nguy hại và phụ thuộc vào nơi làm việc. Đối với các ứng dụng đặc biệt, chúng tôi khuyến cáo nên liên lạc với nhà sản xuất nhằm xác minh tính chống chịu với hoá chất của các loại găng tay kể trên. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc. Thời gian để sản phẩm thấm xuyên qua găng tay chưa xác định được. Thường xuyên thay găng tay.

Bảo vệ mắt : Mặc những thiết bị bảo hộ cá nhân sau:
Phải đeo găng tay chịu hóa chất
Màng che mặt

Bảo vệ da và cơ thể : Mặc những thiết bị bảo hộ cá nhân sau:
Nếu đánh giá cho thấy có nguy cơ có tia lửa hay khí cháy nổ, hãy sử dụng quần áo chống tĩnh điện làm chậm quá trình cháy.

Các biện pháp bảo vệ : Đeo găng tay chống lạnh/ mặt nạ bảo vệ mắt/ thiết bị bảo vệ mắt.

Các biện pháp vệ sinh : Nếu có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất trong khi sử dụng bình

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

thường, hãy cung cấp hệ thống vòi rửa mắt và vòi sen an toàn gần nơi làm việc.
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.
Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	:	Khí hóa lỏng
Màu sắc	:	trong suốt, không màu
Mùi đặc trưng	:	yếu
Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	chưa có dữ liệu
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	:	-117 °C
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	:	-24,7 °C (1.013 hPa)
Điểm cháy	:	Không áp dụng được
Tỷ lệ hóa hơi	:	Không áp dụng được
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	Dễ cháy
Tự bốc cháy	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là có tính chất tự bốc cháy.
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	Giới hạn trên của sự bốc cháy 16,9 %(V) Phương pháp: ASTM E681
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	Giới hạn dưới của sự bốc cháy 3,9 %(V) Phương pháp: ASTM E681
Áp suất hóa hơi	:	5.146,24 hPa (25 °C)
Tỷ trọng hơi tương đối	:	2,4 (Khí = 1.0)
Tỷ trọng tương đối	:	2,4

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

Khối lượng riêng	:	0,911 g/cm ³ (20 °C) (là chất lỏng)
		0,83 g/cm ³ (50 °C) (là chất lỏng)
		0,0027 g/cm ³ (25 °C) (là chất lỏng)
Độ hòa tan		
Độ hòa tan trong nước	:	0,28 g/l (25 °C)
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	log Pow: 1,13 (25 °C)
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	440 °C
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt		
Độ nhớt, động học	:	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính oxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Đặc điểm hạt Kích thước hạt	:	Không áp dụng được

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không thuộc loại nguy hại phản ứng.
Tính ổn định	:	Ổn định nếu được sử dụng theo chỉ dẫn. Tuân thủ hướng dẫn phòng ngừa và tránh các chất và điều kiện không tương thích.
Phản ứng nguy hiểm	:	Hơi có thể hình thành hỗn hợp cháy nổ với không khí. Có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh. Khí rất dễ cháy.
Các điều kiện cần tránh	:	Nhiệt, lửa và tia lửa.
Vật liệu không tương thích	:	Chất oxy hóa
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc : Hít phải
Tiếp xúc với da
Tiếp xúc với mắt

Độc cấp tính

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**1,1-Difluoroethane:**

Độc tính cấp theo đường miệng : Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường miệng

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): > 437500 ppm
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: khí

Nồng độ đã được kiểm chứng mà không tác hại (Chó): 50000 ppm

Không khí kiểm nghiệm: khí

Phương pháp: nghiên cứu về sự nhạy cảm của tim

Nồng độ đã được kiểm chứng với tác hại rất nhỏ (Chó): 150000 ppm

Không khí kiểm nghiệm: khí

Phương pháp: nghiên cứu về sự nhạy cảm của tim

Ngưỡng giới hạn gây nhạy cảm lên tim (Chó): 405.000 mg/m³

Không khí kiểm nghiệm: khí

Phương pháp: nghiên cứu về sự nhạy cảm của tim

Độc tính cấp qua da : Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da

Ăn mòn/kích ứng da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**1,1-Difluoroethane:**

Kết quả : Không gây kích ứng da

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

Thành phần:**1,1-Difluoroethane:**

Kết quả : Không gây kích ứng mắt

Kích thích hô hấp hoặc da**Nhạy cảm với da**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**1,1-Difluoroethane:**

Đường tiếp xúc : Tiếp xúc với da
Kết quả : Âm tính

Đường tiếp xúc : Hít phải
Loài : Chuột
Kết quả : Âm tính

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**1,1-Difluoroethane:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473
Kết quả: Dương tính

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm nhân nhỏ của hồng cầu trên động vật có vú (thí nghiệm di truyền học tế bào trong cơ thể)
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Hô hấp (khí)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474
Kết quả: Âm tính

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen) - Đánh giá : Trọng số bằng chứng không đủ khẳng định xếp loại là biến đổi tế bào mầm.

Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22
3.1	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
	2025/03/05	1324531-00032	

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**1,1-Difluoroethane:**

Loài	:	Chuột
Lộ trình ứng dụng	:	Hô hấp (khí)
Thời gian phơi nhiễm	:	104 Tuần
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 453
Kết quả	:	Âm tính

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này là một chất gây ung thư

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**1,1-Difluoroethane:**

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm gây tử vong tính trạng trội trên loài gặm nhấm (tế bào mầm) (trong cơ thể)
Loài: Chuột nhắt
Lộ trình ứng dụng: Hô hấp (khí)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 478
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Loại kiểm nghiệm: Các nghiên cứu về độc mãn tính và khả năng gây ung thư

Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Hô hấp (khí)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 453
Kết quả: Âm tính

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính cho sự phát triển của thai nhi (gây quái thai)

Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Hô hấp (hơi nước)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 414
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính cho sự phát triển của thai nhi (gây quái thai)

Loài: Thỏ
Lộ trình ứng dụng: Hô hấp (khí)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 414
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này có độc tính sinh sản

STOT - Tiếp xúc một lần

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**1,1-Difluoroethane:**

Đường tiếp xúc	: Hô hấp (khí)
Đánh giá	: Không phát hiện thấy ảnh hưởng đến sức khỏe động vật tại nồng độ 20000 ppmV/4h hoặc ít hơn

Đường tiếp xúc	: Tiếp xúc với da
Đánh giá	: Không phát hiện thấy ảnh hưởng đến sức khỏe động vật tại nồng độ 2000 mg/kg bw hoặc ít hơn

Đường tiếp xúc	: Nuốt phải
Đánh giá	: Không phát hiện thấy ảnh hưởng đến sức khỏe động vật tại nồng độ 2000 mg/kg bw hoặc ít hơn

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**1,1-Difluoroethane:**

Đường tiếp xúc	: Hô hấp (khí)
Đánh giá	: Không phát hiện thấy ảnh hưởng đến sức khỏe động vật tại nồng độ 250 ppmV/6h/d hoặc ít hơn.

Đường tiếp xúc	: Tiếp xúc với da
Đánh giá	: Không phát hiện thấy ảnh hưởng đến sức khỏe động vật tại nồng độ 200 mg/kg bw hoặc ít hơn.

Đường tiếp xúc	: Nuốt phải
Đánh giá	: Không phát hiện thấy ảnh hưởng đến sức khỏe động vật tại nồng độ 100 mg/kg bw hoặc ít hơn.

Lượng độc lặp lại**Thành phần:****1,1-Difluoroethane:**

Loài	: Chuột, Đực và cái
NOAEL	: 25000 ppm
LOAEL	: >25000 ppm
Lộ trình ứng dụng	: Hô hấp (khí)
Thời gian phơi nhiễm	: 104 Weeks
Phương pháp	: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 453

Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**1,1-Difluoroethane:**

Không có dạng độc tính hô hấp

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc môi trường****Thành phần:****1,1-Difluoroethane:**

Độc đối với cá	:	LC50 (Cá): 295,783 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h Phương pháp: ECOSAR (Ecological Structure Activity Relationships - Mối quan hệ hoạt tính cấu trúc sinh thái)
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	:	EC50 (Daphnia (Rận nước Daphnia)): 146,695 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h Phương pháp: ECOSAR (Ecological Structure Activity Relationships - Mối quan hệ hoạt tính cấu trúc sinh thái)
Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	:	EC50 (tảo): 47,755 mg/l Phương pháp: ECOSAR (Ecological Structure Activity Relationships - Mối quan hệ hoạt tính cấu trúc sinh thái)

Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh	:	Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh	:	Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**Thành phần:****1,1-Difluoroethane:**

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.

Khả năng tích lũy sinh học**Thành phần:****1,1-Difluoroethane:**

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Không tích tụ sinh học

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: 1,13 (25 °C)

Độ linh động trong đất

Thành phần:

1,1-Difluoroethane:

Phân bố trong các môi trường khác nhau : Koc: 4,47

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Loại bỏ theo quy định của địa phương

Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa trống cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ
Các thùng áp suất trống cần phải được đưa trở lại cho nhà cung cấp.
Nếu không được quy định khác: Xử lý như đối với sản phẩm chưa sử dụng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : UN 1030
Tên vận chuyển thích hợp : 1,1-DIFLUOROETHANE
Hạng : 2.1
Nhóm hàng : Không được chỉ định theo quy định
Nhãn : 2.1
Nguy hại với môi trường : không

IATA-DGR

Số UN/ID : UN 1030
Tên vận chuyển thích hợp : 1,1-Difluoroethane
Hạng : 2.1
Nhóm hàng : Không được chỉ định theo quy định
Nhãn : Flammable Gas
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : 200
Hướng dẫn đóng gói (hành khách) : Không được phép vận chuyển

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

khách máy bay)

Mã IMDG

Số hiệu UN : UN 1030
Tên vận chuyển thích hợp : 1,1-DIFLUOROETHANE

Hạng : 2.1
Nhóm hàng : Không được chỉ định theo quy định
Nhãn : 2.1
Mã EmS : F-D, S-U
Chất ô nhiễm đại dương : không

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12
Nghị định thư Montreal : 1,1-Difluoroethane

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2025/03/05
gần nhất

Các thông tin khác : Chemours™ và logo của Chemours là thương hiệu đã được đăng ký của công ty The Chemours Company.
Vui đọc thông tin an toàn của Chemours trước khi sử dụng
Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ văn phòng Chemours tại địa phương hoặc nhà phân phối do Chemours chỉ định.

Thông tin khác

Nguồn dữ liệu chính dùng để lập Phiếu Dữ liệu An toàn : Dữ liệu kỹ thuật nội bộ, dữ liệu từ Bảng thông tin an toàn (SDS) nguyên liệu, kết quả tìm kiếm trên Cổng thông tin điện tử về hóa chất OECD và Cơ quan hóa chất Châu Âu, <http://echa.europa.eu/>

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

Fluorocarbon 152a Aerosol Propellant

Phiên bản 3.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/05	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 1324531-00032	Ngày ban hành cuối cùng: 2024/11/22 Ngày ban hành đầu tiên: 2017/02/27
------------------	--	--	---

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác nhất theo kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin chỉ được đưa ra như hướng dẫn để công bố, bỏ, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, sử dụng và điều khiển an toàn và sẽ không được xem là sự bảo hành hoặc thông số kỹ thuật về chất lượng của bất kỳ loại nào. Thông tin được cung cấp chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể đã nêu tại trang đầu tiên SDS này và sẽ không hợp lệ khi tài liệu SDS được sử dụng liên quan đến bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được nêu cụ thể trong văn bản. Người dùng tài liệu nên đánh giá thông tin và các đề xuất trong hoàn cảnh cụ thể và theo cách thức điều khiển, sử dụng, xử lý và lưu trữ dự kiến của mình, bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của tài liệu SDS trong sản phẩm cuối cùng của người dùng, nếu có thể áp dụng.

VN / VI